

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khuất Thị Toàn

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phùng Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2020/TLST - HS ngày 13 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2020/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/HSST- QĐ ngày 07 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

- BUI ĐỨC G; sinh ngày 26 tháng 3 năm 1979, tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 11, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức Tr và bà Trần Thị Đ; vợ: Lê Thị Ánh Ng (đã ly hôn); con: Có hai con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18/4/2019, bị Toà án nhân dân Quận L, Thành phố Hà Nội xét xử tại Bản án số 66/2019/HSST, tuyên phạt 08 (tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Ngày 20/02/2020, bị Toà án Quân sự Q xét xử tại Bản án số 02/2020/HS-ST, tuyên phạt 12 (Mười hai) năm tù về tội " Trộm cắp tài sản" và tổng hợp hình phạt chung của hai hai bản án bị cáo phải chấp hành 22 (hai mươi hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo bị Cơ quan CSĐT Công an quận L, thành phố Hà Nội bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận L, thành phố Hà Nội

từ ngày 30/11/2018. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Q, tổ 3 phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Ông Dương Mạnh H; địa chỉ: Tổ 01, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Thái Q; địa chỉ: Thôn C, xã P, TP H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

+ Anh Doãn Văn T; địa chỉ: Tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

+ Anh Vũ Xuân T; địa chỉ: Tổ 15, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

+ Anh Vàng Văn C; địa chỉ: Tổ 10, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 7/2017, bị cáo Bùi Đức G đã thuê 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 và 01 (một) xe ô tô Mitsubishi-Jolie, biển kiểm soát 30E-069.00 của ông Dương Mạnh H, mục đích làm phương tiện đi lại (*việc thuê xe được hai bên ký kết bằng Hợp đồng thuê xe ô tô*). Đến đầu tháng 8/2017, do không có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo G đã thực hiện hành vi mang 02 (hai) xe ô tô đã thuê của ông H làm tài sản đem đi cầm cố để vay tiền của ông Phạm Thái Q và để lại 02 xe ô tô trên tại hiệu cầm đồ "Toàn S" tại tổ 05, phường N, thành phố H để làm tin. Khi bị cáo Giang đem hai chiếc xe ông tô của ông H đi cầm cố để vay tiền của ông Q không được sự đồng ý của ông H. Khoảng một tuần sau khi cầm cố 02 chiếc xe trên bị cáo G mượn lại xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23-013.20 từ ông Q để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đến khoảng tháng 12/2017, do không có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo G tiếp tục dùng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 vào mục đích cầm cố vay tiền của ông Q. Để vay được tiền của ông Q, bị cáo G đã có hành vi đặt làm giả 01 (Một) Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 005221, đề tên phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang, cấp ngày 29/7/2016; Biển kiểm soát 23A-013.20; tên chủ xe Kiều Trung D và tự làm giả 01 (một) giấy ủy quyền lấy tên người ủy quyền là ông Nguyễn Trung P ủy quyền cho G mang xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 đi cầm cố vay tiền. Ngày 15/12/2017, tại tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo Bùi Đức G đã thực hiện hành vi sử dụng những giấy tờ giả nêu trên vào mục đích cầm cố xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 để vay tiền của ông Phạm Thái Q với số tiền 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Toàn bộ số tiền có được từ việc mang cầm cố 02 (hai) xe ô tô của ông H, bị cáo Bùi Đức G đã một mình chi tiêu cá nhân hết. Khi hết thời hạn hợp đồng thuê xe do không còn

khả năng trả nợ cho ông Q và trả 02 (hai) xe ô tô đã thuê cho ông H nên bị cáo G đã bỏ trốn khỏi địa phương nơi cư trú, không thanh toán tiền thuê xe và không trả lại 02 xe ô tô đã thuê cho ông H.

Tại phiên tòa bị cáo G khai nhận:

Ngày 24/7/2017, do có nhu cầu thuê xe ô tô để tự lái, nên bị cáo đến gặp ông Dương Mạnh H để thuê xe, mục đích để sử dụng vào việc đi lại của bị cáo. Ông H đã đồng ý cho bị cáo thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20, màu sơn đen, thời hạn thuê trong 05 (Năm) ngày, giá thuê 800.000 đồng/01 ngày và yêu cầu bị cáo đặt cọc số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý và trả cho ông H 4.000.000 đồng và để lại 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha-Nouvo (*Là xe cũ G mua lại, chưa sang tên đổi chủ; Hiện chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ của chủ xe, biển kiểm soát*) để làm tin, thỏa thuận xong, hai bên lập và ký hợp đồng cho thuê xe. Sau đó ông H giao xe ô tô Toyota-Camry biển kiểm soát 23A-013.20 cùng giấy tờ xe (*bản photo gồm Chứng nhận đăng ký xe và sổ kiểm định*) cho bị cáo. Bị cáo đã sử dụng xe thuê vào việc đi lại, phục vụ nhu cầu cá nhân. Đến ngày hẹn trả xe, bị cáo lại chủ động thỏa thuận với ông H để thỏa thuận gia hạn thuê xe ô tô theo tháng, với giá thỏa thuận là 15.000.000 đồng/01 tháng và đồng ý cho ông H bán chiếc xe mô tô Yamaha-Nouvo để trả vào tiền đặt cọc trước đó, ông H nhất trí với việc thay đổi nội dung thuê xe này.

Đến ngày 31/7/2017, bị cáo tiếp tục đến nhà ông H thuê thêm xe ô tô với mục đích sử dụng xe làm phương tiện đi lại để đi tìm và nhận thi công công trình xây dựng ở các huyện vùng cao. Bị cáo đã nhờ anh Vàng Văn C (*Là người làm thuê cho G*) đứng tên trong hợp đồng thuê xe của ông H. C đồng ý và đi cùng bị cáo đến nhà ông H thuê xe ô tô. Bị cáo nói với ông H thuê xe đi làm công trình ở các huyện vùng cao, vì giấy phép lái xe ô tô của bị cáo hết hạn, không đứng tên thuê được nên nhờ C đứng tên thuê hộ. Ông H đồng ý cho bị cáo thuê xe ô tô, nhãn hiệu Mitsubishi-Jolie, biển kiểm soát 30E-069.00 và yêu cầu bị cáo, anh Cương cùng ký tên vào hợp đồng thuê xe. Bị cáo và ông H thỏa thuận thống nhất lập hợp đồng thuê xe trong 05 (năm) ngày với giá là 1.000.000 đồng/01 ngày, bị cáo trả cho ông H số tiền thuê xe 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng tiền Việt Nam*), ông H giao xe ô tô cùng giấy tờ xe (*photo gồm giấy chứng nhận đăng ký xe và sổ kiểm định*) cho bị cáo, thuê được xe, bị cáo là người trực tiếp sử dụng xe ô tô.

Sau khi thuê được 02 (hai) xe ô tô của ông H, do không có tiền bị cáo nảy sinh ý định mang 02 xe ô tô thuê của ông H đi cầm cố để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng đầu tháng 8 năm 2017 (*không rõ ngày*) bị cáo một mình điều khiển xe ô tô, nhãn hiệu Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 đến gặp ông Phạm Thái Q hỏi vay số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng tiền Việt Nam*), ông Q đồng ý cho bị cáo vay tiền với lãi suất theo thỏa thuận là 1.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Nhận tiền xong, bị cáo để lại xe ô tô biển 23A-013.20 tại hiệu cầm đồ "Toàn S", của ông Vũ Xuân T (*Là bạn của Q*) ở tổ 05, phường N, thành phố H để làm tin với ông Q. Sau đó, bị cáo tiếp tục điều khiển xe ô tô Mitsubishi-Jolie, biển kiểm soát 30E-069.00 đến gặp ông Q hỏi vay thêm 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng tiền Việt Nam*), ông Q đồng ý cho vay. Sau khi nhận tiền xong, bị cáo để lại xe ô tô biển kiểm soát 30E-069.00 và chìa khóa xe tại hiệu cầm đồ "Toàn S" để làm tin với ông Q và mượn lại ông Q xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23-013.20 đã để làm tin trước đó để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Trong quá trình thuê 02 (hai) xe ô tô của ông H, bị cáo đã nhiều lần trả tiền thuê xe cho ông H, với tổng số tiền là 83.000.000 đồng (*Tám mươi ba triệu đồng tiền Việt Nam*). Trong đó, trả tiền thuê xe ô tô Toyota-Camry 23A-013.20 được 45.000.000 đồng (*Bốn mươi năm triệu đồng tiền Việt Nam*), trả tiền thuê xe Mitsubishi-Jolie 30E-069.00 được 38.000.000 đồng (*Ba mươi tám triệu đồng tiền Việt Nam*). Nhưng bị cáo không nói cho ông H biết việc bị cáo đã tự ý mang xe ô tô của ông H đi cầm cố để vay tiền của ông Q.

Khoảng cuối tháng 11/2017, bị cáo trả cho ông Q số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng tiền Việt Nam*) là tiền cầm cố chiếc xe ô tô Mitsubishi-Jolie biển kiểm soát 30E-069.00 nhưng vẫn để chiếc xe tại hiệu cầm đồ “Toàn S” vì còn nợ tiền của Q.

Đến đầu tháng 12/2017, do việc làm ăn thua lỗ không có tiền để chi tiêu cá nhân, bị cáo tiếp tục đến gặp ông Q cầm cố chiếc xe ô tô Toyota-Camry 23A-013.20 để vay tiền. Do ông Q yêu cầu phải có giấy đăng ký xe bản gốc và giấy ủy quyền của chủ xe mới cho vay tiền. Lúc này Bị cáo nảy sinh ý định làm giả giấy đăng ký xe ô tô Toyota-Camry biển kiểm soát 23A-013.20 mang tên Kiều Trung D. Bị cáo sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, màu đen xám, trong máy lắp sim Viettel của bị cáo (*Hiện chưa xác định được điện thoại và số thuê bao Giang sử dụng*) truy cập vào mạng Internet, mục đích tìm người làm giấy đăng ký xe ô tô giả, khi tìm thấy số điện thoại của người nhận làm đăng ký xe ô tô giả (*Hiện chưa xác định được số thuê bao; Nhân thân, lai lịch người làm giả giấy đăng ký xe*), bị cáo chủ động kết bạn qua ứng dụng Zalo rồi nhắn tin hỏi đặt làm giấy đăng ký xe ô tô giả. Số điện thoại qua tài khoản Zalo này đồng ý với giá tiền làm giấy đăng ký giả là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng tiền Việt Nam*) và yêu cầu đặt cọc 1.000.000 đồng (*một triệu đồng tiền Việt Nam*), bị cáo đồng ý. Sau đó bị cáo gửi ảnh đăng ký xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 do bị cáo đã chụp trước đó qua Zalo và đi mua 02 (Hai) thẻ điện thoại Viettel, mệnh giá 500.000 đồng/01 thẻ, tổng là 1.000.000 đồng rồi gửi mã số thẻ qua tin nhắn Zalo cho người này để đặt cọc. Sau khoảng 03 ngày, người này gửi ảnh chụp đăng ký xe ô tô giả qua ứng dụng Zalo cho bị cáo xem, thấy giống đăng ký xe thật, bị cáo tiếp tục mua 06 (Sáu) thẻ Viettel mệnh giá 500.000 đồng/01 thẻ, tổng là 3.000.000 đồng rồi gửi mã số thẻ cho người này và yêu cầu gửi chuyển phát nhanh giấy đăng ký xe ô tô giả đến thành phố Hà Nội trong 24 giờ. Bị cáo bắt xe khách đi từ Hà Giang xuống thành phố Hà Nội, đi đến một chi nhánh chuyển phát nhanh ở quận T, thành phố Hà Nội (*Hiện chưa xác định được địa chỉ cụ thể*) để nhận bưu phẩm bên trong là 01 Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 005221, đề tên phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang, cấp ngày 29/7/2016; Biển kiểm soát 23A-013.20; tên chủ xe Kiều Trung Dũng mà bị cáo đặt làm giả trước đó. Bị cáo về thành phố Hà Giang lập và ký giả chữ ký 01 (Một) giấy ủy quyền, đề ngày 01/12/2017, lấy tên người ủy quyền là ông Nguyễn Trung P ủy quyền cho bị cáo mang xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 đi cầm cố vay tiền. Mục đích làm giấy ủy quyền giả để ông Q tin chiếc xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 đã được người tên Nguyễn Trung P mua của Kiều Trung D nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Ngày 15/12/2017, bị cáo một mình điều khiển xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20, mang theo giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả và giấy ủy quyền đã lập ký tên giả đưa cho ông Q để cầm cố xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20. Sau khi nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy ủy quyền (ông Q biết tài sản không chính tên, chính chủ không đủ điều kiện để cầm cố tài sản) nhưng ông Q vẫn đồng ý cho bị cáo vay thêm tiền nhưng yêu cầu bị cáo phải trừ đi khoản tiền gốc, tiền lãi đã vay của

ông trước đó và yêu cầu bị cáo viết giấy vay tiền với tổng số tiền là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng tiền Việt Nam) hạn đến ngày 15/4/2018 hoàn trả, bị cáo đồng ý. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 03%/01 tháng, giao tiền cho Giang, ông Q giữ lại xe ô tô để quản lý. Toàn bộ số tiền vay của ông Q, bị cáo đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Đến tháng 01/2018, do không có tiền trả nợ, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương nơi cư trú không thông báo cho gia đình và chính quyền địa phương biết. Quá trình trốn khỏi địa phương, bị cáo đã thực hiện nhiều hành vi trộm cắp dây cáp thông tin của Viễn thông quân đội Viettel tại nhiều nơi, bán lấy tiền sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Đến ngày 30/11/2018, bị Cơ quan CSĐT Công an quận L, thành phố Hà Nội bắt về hành vi Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đến ngày 25/01/2018, ông Q tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố H 01 xe ô tô 23A-013.20; 01 giấy Chứng nhận Đăng ký xe ô tô kèm theo giấy ủy quyền và 01 giấy vay tiền để phục vụ công tác điều tra.

Đối với xe ô tô, nhãn hiệu Mitsubishi-Jolie, biển 30E-069.00, bị cáo Giang để tại hiệu cầm đồ “Toàn S”, do không có chỗ để nên ông T đã cho ông Doãn Văn T mượn để sử dụng. Ngày 26/02/2019, ông H phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi-Jolie, biển kiểm soát 30E-069.00 do ông T để tại trục đường H, thuộc tổ 12, phường N, thành phố H, ông H thông báo cho ông T biết chiếc xe này thuộc sở hữu của ông H và điều khiển xe ô tô về nhà riêng tại tổ 01, phường N, thành phố H để quản lý.

Tại Bản kết luận giám định số: 100/KL- PC54 ngày 26/02/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 005221, mang tên Kiều Trung D, ký hiệu M1 là giả.

Tại Bản kết luận giám định số: 140/KL- PC09 ngày 19/3/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: chữ ký đứng tên Nguyễn Trung P dưới mục “NGƯỜI ỦY QUYỀN” trên mẫu yêu cầu giám định A so với chữ ký đứng tên dưới mục “NGƯỜI KHAI” trên mẫu so sánh ký hiệu M khác dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

Tại Bản kết luận giám định số: 241/KL-PC09 ngày 04/7/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Bùi Đức G trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết chữ kí đứng tên Bùi Đức G trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người viết và ký ra .

Theo bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2018 kết luận giá trị tài sản của chiếc xe ô tô Toyota-Camry BKS: 23A-013.20 là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng tiền Việt Nam. Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 16/01/2019 kết luận giá trị tài sản của chiếc xe ô tô Mitsubishi-Jolie, biển kiểm soát 30E-069.00 là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng tiền Việt Nam).

***Vật chứng vụ án:**

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số

01/QĐ-CSĐT ngày 28/5/2018 và Quyết định xử lý vật chứng 02/QĐ-CSĐT ngày 11/03/2019, những tài sản sau:

Trả cho ông Dương Mạnh H: 01 (Một) xe ô tô, nhãn hiệu Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20, màu sơn đen, số máy 2AZ1250187; Số khung: ACV308002248; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe, số 005221, đề tên Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang, ngày cấp 29/7/2016; Biển kiểm soát 23A-013.20; Tên chủ xe Kiều Trung D, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 248303, đề tên phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội, cấp ngày 13/8/2016; Biển kiểm soát 30E-069.00; Tên chủ xe: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Đông Th; Địa chỉ: Số 246, tổ 02, Đa Sỹ, Kiến H, H, Hà Nội.

* Số vật chứng đã thu giữ và chuyển theo hồ sơ vụ án, gồm:

- 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 005221, cấp ngày 29/7/2016; mang tên Kiều Trung D, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang (*Giấy chứng nhận giả*); 01 (Một) giấy ủy quyền đề tên Nguyễn Trung P, lập ngày 01/12/2017; 01 (Một) giấy vay tiền đề tên Bùi Đức G, lập ngày 15/12/2017.

Bản cáo trạng số 11/CT- VKTPHG ngày 11/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Bùi Đức G về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội: Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan CSĐT, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được tại hiện trường, phù hợp với kết quả điều tra, nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Đức Giang về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Rút quyết định truy tố đối với bị cáo G về tội: Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Lý do của việc rút quyết định truy tố về tội danh là do tại phiên tòa qua phần xét hỏi đã làm rõ được hành vi sử dụng giấy tờ giả để nhằm mục đích mang xe ô tô của ông H đi cầm cố vay tiền của ông Q. Căn cứ vào mục 2 công văn số 233/ TATC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao, xác định hành vi sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả để làm phương tiện cho việc phạm tội khác nặng hơn. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H căn cứ vào Điều 319 - Bộ luật tố tụng hình sự kết luận rút quyết định truy tố đối với bị cáo Giang về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức.

Do bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội từ đầu tháng 12/2017 đến ngày 15/12/2017 khi bộ Luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành. Nay tại thời điểm xét xử vụ án bộ Luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành. Qua đối chiếu các quy định tại khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 với quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, xét thấy khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định khung hình phạt nhẹ hơn có lợi

cho người phạm tội. Do vậy, căn cứ Điều 7 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, truy tố bị cáo Bùi Đức G về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Đức G phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 - Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Đức G từ đến 06 đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

- Về xử lý vật chứng: Theo quy định của pháp luật

- TNDS: Buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đã vay của ông Q là 280.000.000đ; do ông H không đề nghị về phần dân sự nên không giải quyết.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, việc bị cáo bị xét xử về tội danh trên là đúng, hứa sẽ cải tạo tốt và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Đức G, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng cuối tháng 7/2017, bị cáo Bùi Đức G đã thuê 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 và 01 (một) xe ô tô Mitsubishi-Jolie, biển kiểm soát 30E-069.00 của ông Dương Mạnh H, mục đích làm phương tiện đi lại (*việc thuê xe được hai bên ký kết bằng Hợp đồng thuê xe ô tô*). Đầu tháng 8/2017, do không có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo G đã thực hiện hành vi sử dụng 02 (hai) xe ô tô đã thuê của ông H làm tài sản đem đi cầm cố để vay tiền của ông Phạm Thái Q và để lại 02 xe ô tô trên tại hiệu cầm đồ "Toàn S" tại tổ 05, phường N, thành phố H để làm tin. Khi bị cáo đem hai chiếc xe ô tô của ông H đi cầm cố để vay tiền của ông Q không được sự đồng ý của ông H. Khoảng một tuần bị cáo Giang đến gặp ông Q mượn lại xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23-013.20 để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đến khoảng tháng 12/2017, do không có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo G tiếp tục dùng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 vào mục đích cầm cố vay số tiền của ông Q. Do ông Q yêu cầu phải có giấy tờ xe chính chủ (bản gốc) ông Q mới cho vay. Nên để vay được tiền của ông Q, bị cáo Giang đã có hành vi đặt làm giả 01 (Một) Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 005221, đề tên phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang, cấp ngày 29/7/2016; Biển kiểm soát 23A-013.20; tên chủ xe Kiều Trung D và tự làm giả 01 (một) giấy ủy quyền lấy tên người ủy quyền là ông Nguyễn Trung P ủy quyền cho G mang xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 đi cầm cố vay tiền. Ngày 15/12/2017, tại tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo Bùi Đức G đã thực hiện hành vi sử dụng những giấy tờ giả nêu trên vào mục đích cầm cố xe ô tô Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 để vay tiền của ông Phạm Thái Q với số tiền 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Số tiền có được từ việc cầm cố 02 (*hai*) xe ô tô của ông H, bị cáo Bùi Đức G đã một mình chi tiêu cá nhân hết. Khi hết thời hạn hợp đồng thuê xe do không còn khả năng trả nợ và trả 02 (*hai*) xe ô tô đã thuê cho ông H nên bị cáo Giang đã bỏ trốn khỏi địa phương nơi cư trú, không thanh toán tiền thuê xe và không trả lại 02 xe ô tô đã thuê cho ông H.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2018 kết luận giá trị tài sản của chiếc xe ô tô Toyota-Camry BKS: 23A-013.20 trên là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng tiền Việt Nam*). Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 16/01/2019 kết luận giá trị tài sản của chiếc xe ô tô Mitsubishi-Jolie, biển kiểm soát 30E-069.00 là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng tiền Việt Nam*). Tổng giá trị tài sản là 330.000.000đ (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*).

Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Bùi Đức G đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội phạm được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo khoản 1 Điều 341- BLHS là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo G về tội danh Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài theo quy định tại khoản 3 Điều 175- BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội từ đầu tháng 12/2017 đến ngày 15/12/2017 khi bộ Luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành. Nay tại thời điểm xét xử vụ án bộ Luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành. Qua đối chiếu các quy định tại khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 với quy định tại khoản 3 Điều 175 - Bộ luật hình sự năm 2015 về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, xét thấy khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định khung hình phạt nhẹ hơn có lợi cho người phạm tội. Do vậy, căn cứ Điều 7 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Viện Kiểm sát thành phố Hà Giang truy tố bị cáo Bùi Đức Giang về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân. Bị cáo nhận thức rõ hành vi mang tài sản của ông H đi cầm cố để

vay tiền mà không được sự đồng ý của ông H là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội, sau đó do không có khả năng trả nợ bị cáo đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Quá trình bỏ trốn khỏi nơi cư trú bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành phạm tội khác nặng hơn, vì thế cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng hình phạt trong trường hợp phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52-BLHS.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo G có 01 tình tiết giảm nhẹ là tình tiết thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000,đ đến 100.000.000,đ”...., do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Đối với ông Phạm Thái Q: Là chủ cơ sở cầm đồ, có giấy phép Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Ông Q đã cho Giang vay tiền dưới hình thức để lại tài sản làm tin, tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 và 01 (một) xe ô tô Mitsubishi-Jolie, biển kiểm soát 30E-069.00 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Hùng.

Ông Q thừa nhận việc bị cáo G sử dụng tài sản không chính chủ là không đủ điều kiện để cầm cố tài sản theo quy định của pháp luật, nên ông không cho G làm hợp đồng cầm cố. Ông Q khẳng định cho bị cáo G vay tiền không theo thủ tục cầm cố tài sản, mà bị cáo G để lại ô tô cho ông quản lý mục đích là để làm tin cho việc vay tiền của Giang. Do đó, xác định ông Q cho G vay tiền là giao dịch dân sự, tài sản mà ông Q đã nhận của G phải trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, ông Q đã tự giác giao nộp các tài sản, đồ vật có liên quan cho Cơ quan Công an để phục vụ công tác điều tra, nên không đề cập xử lý.

Đối với việc ông Q cho bị cáo G vay tiền với mức lãi xuất theo thỏa thuận là 03%/1 tháng không cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự, do đó, không đề cập xử lý.

Quá trình giải quyết ông Q yêu cầu bị cáo Giang phải hoàn trả cho ông số tiền đã vay là 280.000.000đ, không yêu cầu trả lãi suất. Bị cáo G xác nhận có vay của ông Q số tiền 280.000.000đ và nhất trí hoàn trả cho ông Q khoản vay này. Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản hai bên không tranh chấp về số tiền và nhất trí hoàn trả khoản tiền vay. Do đó, cần giải quyết buộc bị cáo G phải trả cho ông Q số tiền 280.000.000đ, do ông Q không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét giải quyết.

[7]. Ông Dương Mạnh H là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô nhãn hiệu Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20 và xe ô tô Mitsubishi-Jolie, biển kiểm soát 30E-069.00. Việc ông H cho G thuê xe là hợp pháp, không vi phạm các quy định của pháp luật, do đó không đề cập xử lý đối với ông H. Quá trình điều tra ông H xác nhận đã nhận lại được 02 chiếc xe ô tô, không yêu cầu giải quyết về thiệt hại xe và khoản tiền thuê xe của bị cáo nên không xem xét giải quyết.

[8]. Đối với ông Vũ Xuân T không biết xe ô tô Mitsubishi-Jolie biển kiểm soát 30E-069.00, bị cáo để tại hiệu cầm đồ “Toàn S” là tài sản hợp pháp của ông H, nên ông T cho để nhờ. Do không có chỗ để nên ông T đã cho ông Doãn Văn Tmượn để đi lại. Xét thấy hành vi của ông T không có dấu hiệu tội phạm, do đó không đề cập xử lý đối với ông T.

[9]. Ông Doãn Văn T là người mượn xe ô tô 30E-069.00 của ông Vũ Xuân T sử dụng để đi lại, không biết rõ về nguồn gốc tài sản. Ngày 26/02/2019, khi đỗ xe tại trục đường H, thuộc tổ 12, phường N, thành phố H, ông T mới biết chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của ông H nên đã trả xe cho ông H để quản lý và sử dụng. Xét thấy hành vi của ông T không có dấu hiệu tội phạm, do đó không đề cập xử lý.

[10]. Ông Nguyễn Trung P xác nhận việc quen biết bị cáo khi còn công tác tại Chi nhánh Viettel Hà Giang, nhưng ông không được lập và ký giấy ủy quyền cho Bùi Đức G, không biết việc bị cáo thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Quá trình điều tra, ông P không có yêu cầu đề nghị xử lý đối với hành vi của Bùi Đức G.

[11]. Anh Vàng Văn C là người được bị cáo nhờ đứng tên trong hợp đồng thuê xe ô tô Mitsubishi-Jolie biển kiểm soát 30E-069.00 của ông H, anh C không biết mục đích G thuê xe, không được hưởng lợi từ việc G thuê xe. Quá trình điều tra, ông H thừa nhận H trực tiếp giao dịch và cho G thuê để sử dụng, anh C chỉ là người cùng tham gia ký tên trong hợp đồng thuê xe ô tô tự lái. Do đó không đề nghị xử lý đối với anh C.

[12]. Ngoài ra, bị cáo G khai báo sau khi thuê xe Toyota-Camry biển kiểm soát 23A-013.20, bị cáo nhiều lần tham gia đánh bạc tại hiệu cầm đồ “Toàn S”, của ông Vũ Xuân T cùng với Nguyễn Quốc T và khoảng 07 (Bảy) người không quen biết. Do thua bạc nên đã cầm cố chiếc xe ô tô Toyota-Camry của ông H cho ông Q để vay tiền. Nhưng ông Q xác nhận chỉ cho bị cáo cầm cố xe ô tô Toyota-Camry vay tiền 01 lần vào ngày 15/12/2017, tại nhà riêng với số tiền là 280.000.000 đồng. Ông T và ông T cũng không thừa nhận việc biết và tham gia đánh bạc với G. Do vậy, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý các đối tượng theo quy định của pháp luật. Cơ quan CSĐT Công an Thành Phố H, tỉnh Hà Giang tiếp tục điều tra, xác minh khi đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[13]. Trong vụ án này, bị cáo G còn tham gia vào hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng nhận làm giả Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 005221, đề tên phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang, cấp ngày 29/7/2016; Biển kiểm soát 23A-013.20; tên chủ xe Kiều Trung D cho bị cáo, do thông tin bị cáo cung cấp không đủ căn

cứ để áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh. Xét thấy việc tách hành vi trên ra khỏi vụ án không ảnh hưởng đến kết quả điều tra vụ án nên Cơ quan điều tra tách hành vi làm giả tài liệu của bị can để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ.

[13]. Về vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-CSĐT ngày 28/5/2018 và Quyết định xử lý vật chứng 02/QĐ-CSĐT ngày 11/03/2019, những tài sản sau:

Trả cho ông Dương Mạnh H: 01 (Một) xe ô tô, nhãn hiệu Toyota-Camry, biển kiểm soát 23A-013.20, màu sơn đen, số máy 2AZ1250187; Số khung: ACV308002248; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe, số 005221, đề tên Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang, ngày cấp 29/7/2016; Biển kiểm soát 23A-013.20; Tên chủ xe Kiều Trung Dũng, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 248303, đề tên phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội, cấp ngày 13/8/2016; Biển kiểm soát 30E-069.00; Tên chủ xe: Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Đ; Địa chỉ: Số 246, tổ 02, Đa Sỹ, Kiến H, Hà Đ, Hà Nội. Xét việc trả lại tài sản của cơ quan CSĐT là phù hợp đúng luật nên chấp nhận.

* Số vật chứng gồm:

- 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 005221, cấp ngày 29/7/2016; mang tên Kiều Trung D, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang (*Giấy chứng nhận giả*). 01 (Một) giấy ủy quyền đề tên Nguyễn Trung P, lập ngày 01/12/2017. 01 (Một) giấy vay tiền đề tên Bùi Đức G, lập ngày 15/12/2017. Xét thấy đây là các chứng cứ chứng minh hành vi sử dụng giấy tờ tài liệu giả làm phương tiện phạm tội của bị cáo nên tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án (đã lưu tại hồ sơ vụ án).

[14]. Bị cáo G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí DSST có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 7 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52- Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 47- BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 319, Điều 136- BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Bùi Đức G phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Đức G 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 463, 465, 466 - Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Bùi Đức G phải hoàn trả cho ông Phạm Thái Q số tiền 280.000.000đ (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Xử lý vật chứng: Tịch thu 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 005221, cấp ngày 29/7/2016; mang tên Kiều Trung D, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang (*Giấy chứng nhận giả*). 01 (Một) giấy ủy quyền đề tên Nguyễn Trung P, lập ngày 01/12/2017. 01 (Một) giấy vay tiền đề tên Bùi Đức G, lập ngày 15/12/2017 (*đã lưu tại hồ sơ vụ án*).

- Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Đức G phải chịu 200.000 đ, án phí hình sự sơ thẩm và 14.000.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- Viện Kiểm sát tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. H;
- Công an TP.Hà G;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.Hà Giang;
- CQ thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình

